

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5 - 6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	9 - 23

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 4 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2018
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2018
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Minh Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2018
Bà Lê Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Cường	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Sơn	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Phi Hạnh	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 9 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Hoài Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2018
Bà Hà Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
		Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2018
Ông Lê Đức Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018
Bà Trần Thị Phan Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 1 tháng 2 năm 2018 là Bà Nguyễn Thị Thu Hoài, Chủ tịch Hội đồng Quản trị; từ ngày 2 tháng 2 năm 2018 đến ngày 3 tháng 10 là Ông Nguyễn Việt Sơn, Chủ tịch Hội đồng Quản trị; và từ ngày 4 tháng 10 đến ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hồng Huệ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đề ngày 18 tháng 1 năm 2019. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.


Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 1 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.549.724.574	20.361.565.734
110	I. Tiền	4	1.175.356.493	107.310.350
111	1. Tiền		1.175.356.493	107.310.350
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.237.611.296	20.199.033.333
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	5	4.480.000.000	5.280.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.757.611.296	14.919.033.333
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		136.756.785	55.222.051
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		136.756.785	55.222.051
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		118.096.445.805	16.930.687.966
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn	7	118.096.445.805	16.921.445.805
251	1. Đầu tư vào công ty con	7.1	15.971.445.805	16.921.445.805
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	7.2	102.125.000.000	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		-	9.242.161
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	9.242.161
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		134.646.170.379	37.292.253.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		780.183.776	30.968.600
310	I. Nợ ngắn hạn		780.183.776	30.968.600
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		322.109.000	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		35.142.830	1.570.815
314	3. Phải trả người lao động		216.615.255	15.376.840
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		190.000.000	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		16.316.691	14.020.945
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		133.865.986.603	37.261.285.100
410	I. Vốn chủ sở hữu	8	133.865.986.603	37.261.285.100
411	1. Vốn cổ phần		133.000.000.000	38.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế)		865.986.603	(738.714.900)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(738.714.900)	(815.346.675)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.604.701.503	76.631.775
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		134.646.170.379	37.292.253.700

Trần Thị Bích Hồng
Người lập biểu

Lê Thị Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 1 năm 2019

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu tài chính	9	2.084.436.422	83.571.231	3.177.410.473	424.233.649
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	10	(1.193.406.434)	(75.623.329)	(1.572.708.970)	(347.601.874)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		891.029.988	7.947.902	1.604.701.503	76.631.775
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác		-	-	-	-
40	13. Lỗ khác		-	-	-	-

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2018	Quý IV năm 2017	Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		891.029.988	7.947.902	1.604.701.503	76.631.775
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.1	-	-	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế		891.029.988	7.947.902	1.604.701.503	76.631.775

Trần Thị Bích Hồng

Trần Thị Bích Hồng
Người lập biểu

Lê Thị Hà

Lê Thị Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 1 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.604.701.503	76.631.775
05	Điều chỉnh cho các khoản: Lãi từ hoạt động đầu tư	9	(3.177.410.473)	(424.233.649)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.572.708.970)	(347.601.874)
09	Giảm các khoản phải thu		8.863.295.686	699.192.809
11	Tăng các khoản phải trả		749.215.176	15.369.963
12	Giảm chi phí trả trước		9.242.161	19.245.447
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		8.049.044.053	386.206.345
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
24	Tiền thu hồi cho vay		800.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác		(103.625.000.000)	(500.000.000)
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		844.002.090	233.649
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(101.980.997.910)	(499.766.351)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		95.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		95.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.068.046.143	(113.560.006)
60	Tiền đầu năm		107.310.350	220.870.356
70	Tiền cuối năm	4	1.175.356.493	107.310.350

Trần Thị Bích Hồng
Người lập biểu

Lê Thị Hà
Kế toán trưởng

Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 1 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 10 năm 2014 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 4 tháng 10 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư tài chính tại các công ty con và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 2 người).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	Tầng 25, tòa tháp A, 54 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ quản lý Bất động sản
2	Công Ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading (*)	51%	51%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	Tầng 8, tòa nhà VID Tower, số 115 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ vệ sinh, làm sạch chuyên nghiệp
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	Số 60 Nguyễn Khuyến, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ
5	Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	Tầng 2, tòa tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ bảo vệ

(*) Trước đây là Công ty TNHH MTV TNS Trading và được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty cổ phần vào ngày 15 tháng 4 năm 2018. Công ty này cũng được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 7. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 vào ngày 18 tháng 1 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) ; và
- ▶ Quyết định số 100/2006/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.8 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.9 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	337.500.000	10.000.000
Tiền gửi ngân hàng	837.856.493	97.310.350
TỔNG CỘNG	1.175.356.493	107.310.350

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
Bên vay	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Sông Hồng (*)	4.280.000.000	4.280.000.000
Công ty Cổ phần Thuận An (**)	200.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	4.480.000.000	5.280.000.000

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 5%/năm. Khoản vay này được gia hạn và thanh toán chậm nhất vào ngày 19 tháng 6 năm 2019.

(**) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 12%/năm. Khoản vay này được gia hạn và thanh toán chậm nhất vào ngày 26 tháng 4 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức (i)	5.000.000.000	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (ii)	2.450.000.000	7.150.000.000
Phải thu lãi cho vay	1.171.000.000	861.533.333
Tạm ứng cho nhân viên	22.300.000	15.000.000
Tạm ứng cho ông Nguyễn Ngọc Long - Cổ đông cũ của Công ty	-	6.802.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	369.580	-
Phải thu khác các biên liên quan (Thuyết minh số 12)	2.113.941.716	90.000.000
TỔNG CỘNG	10.757.611.296	14.919.033.333

- (i) Đây là khoản tiền tạm ứng thực hiện hợp đồng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/HTKD/ND-TNSHOLDINGS ký ngày 31 tháng 3 năm 2018 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức. Theo đó, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức sẽ thực hiện việc tìm kiếm khách hàng tiềm năng và giới thiệu cho Công ty để cho thuê, mua đất, với thời hạn hợp tác trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- (ii) Bao gồm các khoản phải thu về chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Thương mại TNTrading cho Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và Ông Nguyễn Đức Phương với giá trị lần lượt là 1.500.000.000 VND và 950.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá gốc	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con	15.971.445.805	-	15.971.445.805	16.921.445.805	16.921.445.805
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	102.125.000.000	-	102.125.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	118.096.445.805	-	118.096.445.805	16.921.445.805	16.921.445.805

7.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	4.993.945.805	-	4.993.945.805	4.993.945.805	4.993.945.805
Công ty TNHH MTV TNS Trading (*)	2.550.000.000	-	2.550.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	4.737.500.000	-	4.737.500.000	4.737.500.000	4.737.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	1.690.000.000	-	1.690.000.000	1.690.000.000	1.690.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One (**)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	500.000.000	500.000.000
TỔNG CỘNG	15.971.445.805	-	15.971.445.805	16.921.445.805	16.921.445.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

7.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(*) Trước đây là Công ty TNHH MTV TNS Trading. Vào ngày 14 tháng 5 năm 2018, Công ty đã chuyển nhượng 49% vốn góp của công ty này cho các cá nhân, với tổng giá trị chuyển nhượng là 2.450.000.000 VND. Công ty TNHH MTV TNS Trading cũng đã được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Thương Mại Tntrading kể từ ngày này.

(**) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2018, Công ty đã hoàn thành cam kết góp vốn đầu tư bằng việc góp bổ sung 1.500.000.000 tỷ VND vào Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One.

Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại công ty con do cổ phiếu nắm giữ tại các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	99%	99%	99%	99%
Công ty TNHH MTV TNS Trading	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vệ sinh Công nghiệp TNS Clean	94,75%	94,75%	94,75%	94,75%
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	99,5%	99,5%	99,5%	99,5%
Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ V-ONE	100%	100%	100%	100%

Thông tin chi tiết về các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

7.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh (i)	65.000.000.000	-	65.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam (ii)	37.125.000.000	-	37.125.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG	102.125.000.000	-	102.125.000.000	-	-	-

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

7.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

(i) Vào ngày 22 tháng 8 năm 2018, Công ty đã góp 65 tỷ VND vào Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh để nắm giữ 9,09% vốn cổ phần tại công ty này. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101836094 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 12 năm 2005, có trụ sở tại số 411 đường Nguyễn Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện Dự Án tổ hợp công trình nhà ở số 411 Tam Trinh.

(ii) Vào ngày 22 tháng 8 năm 2018, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua lại 154.845 cổ phần (tương ứng với 10,32% vốn góp) của Công ty Cổ phần AAC từ ông Phạm Trung Kiên với mức giá 100.000 VND/cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102526578 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 20 tháng 11 năm 2017, có trụ sở tại số 4, Phạm Ngũ Lão, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đang trong quá trình triển khai thực hiện Dự Án Việt Yên Central Park - Thị Trấn Bích Động.

Theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-DHĐCĐ-AAC ngày 22 tháng 8 năm 2018, Công ty Cổ phần AAC đã tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ VND lên 300 tỷ VND bằng hình thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ TNS HOLDINGS đã mua thêm 216.405 cổ phần của Công ty Cổ phần AAC với mức giá 100.000 VND/cổ phần, và theo đó tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần AAC lên thành 12,37%.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty này như sau:

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn năm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	9,09%	9,09%	-	-
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	12,37%	12,37%	-	-

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU

8.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước			
Số dư đầu năm	38.000.000.000	(815.346.675)	37.184.653.325
- Lợi nhuận trong năm	-	76.631.775	76.631.775
Số dư cuối năm	38.000.000.000	(738.714.900)	37.261.285.100
Năm nay			
Số dư đầu năm	38.000.000.000	(738.714.900)	37.261.285.100
- Tăng vốn (*)	95.000.000.000	-	95.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	1.604.701.503	1.604.701.503
Số dư cuối năm	133.000.000.000	865.986.603	133.865.986.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

8.1 Tình hình tăng/(giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, số 11/2018/NQ-ĐHĐCĐ-TNSHOLDINGS ngày 29 tháng 6 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 1207/2018/NQ-HĐQT-TNS vào ngày 12 tháng 7 năm 2018, về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 38 tỷ VND lên 133 tỷ VND. Theo đó, các cổ đông của Công ty đã hoàn thành việc góp vốn bằng tiền vào ngày 22 tháng 8 năm 2018 với tổng số tiền là 95 tỷ VND.

8.2 Vốn cổ phần đã góp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hóm	106.400.000.000	80%	-	-
Nguyễn Thị Thanh Hương	6.210.000.000	4,67%	-	-
Hà Thị Bích Hạnh	6.210.000.000	4,67%	-	-
Trần Việt Hương	6.200.000.000	4,66%	-	-
Nguyễn Đức Phương	6.078.000.000	4,57%	-	-
Các cổ đông khác	1.892.000.000	1,42%	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sao Hỏa	-	-	37.810.000.000	99,5%
Lê Thị Hà	10.000.000	0,01%	95.000.000	0,25%
Nguyễn Thị Thu Hoài	-	-	95.000.000	0,25%
TỔNG CỘNG	133.000.000.000	100%	38.000.000.000	100%

8.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm	38.000.000.000	38.000.000.000
Tăng vốn trong năm	95.000.000.000	-
Số cuối năm	133.000.000.000	38.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

8.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	13.300.000	133.000.000.000	3.800.000	38.000.000.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng				
Cổ phiếu phổ thông	13.300.000	133.000.000.000	3.800.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.300.000	133.000.000.000	3.800.000	38.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND (năm 2017: 10.000 VND).

9. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	2.866.854.459	90.000.000
Lãi cho vay	309.466.667	334.000.000
Lãi tiền gửi	1.089.347	233.649
TỔNG CỘNG	3.177.410.473	424.233.649

10. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	513.031.398	324.603.018
Chi phí đồ dùng văn phòng	14.418.525	19.245.447
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.007.203.039	654.409
Chi phí khác	35.056.008	99.000
TỔNG CỘNG	1.572.708.970	347.601.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty trong năm 2018 là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2017: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận thuần kế toán trước thuế	1.604.701.503	76.631.775
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	320.940.301	15.326.355
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các chi phí không được khấu trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(573.370.892)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(15.326.355)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho lỗ tính thuế	252.430.591	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

11.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

11.3 Thuế TNDN hoãn lại

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.999.402.902 VND (31 tháng 12 năm 2017: 737.249.946 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2018
2015	2020	(869.759.293)	132.509.347	-	(737.249.946)
2018	2023	(1.262.152.956)	-	-	(1.262.152.956)
TỔNG CỘNG		(2.131.912.249)	132.509.347	-	(1.999.402.902)

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

12. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Xây dựng Tam Trinh	Đầu tư khác	Đầu tư góp vốn	65.000.000.000	-
Công ty Cổ phần AAC Việt Nam	Đầu tư khác	Đầu tư góp vốn	37.125.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ V-One	Công ty con	Đầu tư góp vốn vào công ty con	1.500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức được chia	2.023.941.716	90.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Bất động sản TNS Property	Công ty con	Cổ tức được chia	842.912.743	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Đơn vị tính: VND	
Bên có liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Nhất Việt	Công ty con	Cổ tức được chia	2.113.941.716	90.000.000
			2.113.941.716	90.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

		Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng		154.385.745	-
TỔNG CỘNG		154.385.745	-

13. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty



Trần Thị Bích Hồng
Người lập biểu



Lê Thị Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Việt Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 1 năm 2019

